

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 564/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2026

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Anh

2. Bà Nguyễn Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2026, tại trụ sở Tòa án Khu vực 5 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Lâm Khánh L**, sinh năm 1988
Căn cước công dân số: 001188017495
Địa chỉ: **thôn T, xã P, thành phố Hà Nội**.
(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1982
Căn cước công dân số: 025082018014
Địa chỉ: **thôn T, xã P, thành phố Hà Nội**.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà **Nguyễn Lâm Khánh L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Lâm Khánh L** và ông **Nguyễn Mạnh H** tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 09/9/2023 tại **UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông **H** thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, không

trung thực trong vấn đề tình cảm và kinh tế, ông H không sống cùng nhà và không cung cấp thông tin về nơi ở mới cho tôi được biết.

Nay tôi nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy tôi đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: giữa tôi và ông H có 01 (một) con chung là Nguyễn Khải L1 (sinh ngày 14/5/2024), cháu L1 đang ở với tôi. Trường hợp ly hôn thì tôi đề nghị Toà án giao cháu L1 cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng vì thực tế ông H đã bỏ đi không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con chung, mặt khác cháu L1 còn nhỏ mới được gần 2 tuổi nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ từ người mẹ. Tôi yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ chu cấp nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi cháu L1 tròn 18 tuổi, theo hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của tôi như sau: chủ tài khoản “Nguyễn Lâm Khánh L”, số tài khoản 190211551730 mở tại Ngân hàng TMCP K (T).

- Về tài sản chung: Giữa tôi và ông H không có tài sản chung, nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Lâm Khánh L vẫn giữ quan điểm yêu cầu ly hôn, giành quyền nuôi con chung nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự đều chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lâm Khánh L, cho bà L được ly hôn với ông H; giao cháu Nguyễn Khải L1 cho bà Nguyễn Lâm Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà L yêu cầu hoặc khi có thay đổi khác; tài sản chung không xem xét; bà L có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn xã P, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Khu vực 5 – Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, đây là lần vắng mặt thứ hai, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lâm Khánh L và ông Nguyễn Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 09/9/2023 tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Biên bản xác minh, có đủ cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Lâm Khánh L có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi và có cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H là có thật và đã thật sự trầm trọng, nguyên đơn cương quyết xin ly hôn nên đã từ chối cơ hội hàn gắn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Lâm Khánh L có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Khải L1 (sinh ngày 14/5/2024), cháu L1 là trẻ dưới 36 tháng tuổi hiện đang do người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Trong vụ án này, bà L và ông H không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, không thể hiện quan điểm nuôi con chung gửi Tòa án. Hiện bà L có công việc, thu nhập hợp pháp (chứng minh bằng sao kê tài khoản ngân hàng), có nơi ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ tại xã P, TP Hà Nội. Vì vậy, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; **Đ** a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn - Bà **Nguyễn Lâm Khánh L**:

- Bà **Nguyễn Lâm Khánh L** được ly hôn ông **Nguyễn Mạnh H**.

2. Về con chung: bà **Nguyễn Lâm Khánh L** và ông **Nguyễn Mạnh H** có 01 (một) con chung là **Nguyễn Khải L1** (sinh ngày 14/5/2024, số định danh cá nhân: 001224019758). Giao con chung cho bà **Nguyễn Lâm Khánh L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông **H** cho tới khi bà **L** có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Lâm Khánh L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005421 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Bà **L** đã nộp đủ án phí.

5. Bà **Nguyễn Lâm Khánh L** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông **Nguyễn Mạnh H** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

KVK

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc A